

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/DS-PT
Ngày: 28/8/2017
V/V: Tranh chấp quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc phẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cà Văn Pâng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Bà Lò Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hoàng Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kiểm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử: Số 23/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1970;

Chị Mai Thị L - Sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Đội C, xã X, huyện B, tỉnh B.

**** Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn H và chị Mai Thị L:*** Chị Mai Thị H;

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn A, huyện A, tỉnh B. (Chị H, chị L có mặt).

**** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Quang K - Luật sư Văn phòng Luật sư A, Đoàn luật sư tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V- Sinh năm 1937;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn A, huyện A, tỉnh B.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V:* Anh Nguyễn Văn S -
Sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn A, huyện A, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị V:* Ông Hoàng
Tiến N - Sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Phường N, thành phố P, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Công N; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn A, huyện A, tỉnh
Điện Biên. (Vắng mặt).

- Ông Phạm Thanh S; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn A, huyện A, tỉnh Điện
Biên. (Vắng mặt)

4. Người kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn H, chị Mai Thị L là nguyên đơn trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị V là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2016 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn
Văn H, chị Mai Thị L trình bày:

Năm 1998 Ủy ban nhân dân thị trấn A có chủ trương chuyển dân cư từ đội
C, xã N ra A để đủ dân thành lập thị trấn A. Vợ chồng anh H, chị L được Ủy ban
nhân dân thị trấn A cấp cho một xuất đất tại tổ dân phố C, thị trấn A. Anh H, chị L
có đưa cho bà V số tiền 500.000 đồng để bà V đi nộp lệ phí san ủi mặt bằng cho
Ủy ban nhân dân thị trấn A.

Ngày 01/8/2001 Ủy ban nhân dân thị trấn A đã cấp tờ khai sử dụng đất
mang tên Nguyễn Văn H, số đăng ký N-18, diện tích 306,2 m² tại Tổ dân phố C, thị
trấn A. Vị trí thửa đất: Phía Đông giáp rãnh thoát nước; Phía Tây giáp đường nội
thị; Phía nam giáp đất ông Đ; Phía bắc giáp đất bà V.

Năm 2002 bà V là mẹ đẻ của anh H có mượn mảnh đất này để trồng rau, anh
H, chị L nhất trí cho mượn.

Tháng 8/2016 anh H, chị L đến làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất thì bà V không cho đi làm và việc này đã được Ủy ban nhân dân thị
trấn A hòa giải nhưng không thành. Do đó, anh H, chị L đã làm đơn khởi kiện yêu

cầu Tòa án huyện A giải quyết buộc bà V phải trả diện tích 306,2m² đất đã được đăng ký mang tên Nguyễn Văn H cho anh H, chị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện A đã xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất do bà V xây dựng và trồng cây cối hoa màu trên đất: gồm tường bao và hoa sắt: 25.696.652 đồng; Bờ kè sân 6.359.808 đồng; Nắp giếng bê tông 40.229 đồng; Sân bê tông 15.096.026 đồng; Nhà vệ sinh 19.740.957 đồng; Giếng nước 4.846.677 đồng; Bể đãi cà phê 5.248.788 đồng; Bể phụ 567.840 đồng; 3 cây na 753.600 đồng; 1 cây hồng 62.800 đồng; 1 cây chanh 62.800 đồng; 1 cây đào 54.000 đồng; 2 cây thanh long 240.000 đồng; 1 cây quất 40.192 đồng; 2 cây đu đủ 240.000 đồng; Vườn rau 468.000 đồng. Tổng trị giá 79.518.369 đồng. Anh H không nhất trí thanh toán cho bà V.

Tại giấy ý kiến ngày 07/10/2016 và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Năm 1998 Ủy ban nhân dân thị trấn A có chủ trương cấp đất cho các hộ để ổn định dân cư. Gia đình bà V cũng được cấp đất, anh H là con ruột của bà V đã kết hôn với chị L nên cũng được cấp đất. Bà V có hỏi anh H có đăng ký để được cấp đất không? Anh H nói không lấy đất, mẹ lấy đất thì lấy tên con mà đăng ký nên bà V đã làm thủ tục đăng ký tên Nguyễn Văn H và nộp lệ phí san ủi mặt bằng cho Ủy ban nhân dân thị trấn A số tiền 500.000 đồng. Ủy ban nhân dân thị trấn A đã chia cho bà V 02 lô đất gần nhau. Một lô mang tên Nguyễn Thị V, một lô mang tên Nguyễn Văn H.

Năm 2002 bà V mới chuyển từ đội 1 ra và xây tường bao cả 2 lô đất này. Năm 2005 anh H về nói với bà V xin lại 4 m chiều rộng, bà V nhất trí cho 5 m chiều rộng còn bà V lấy 4,8 m chiều rộng. Sự việc đã thống nhất giải quyết xong trong nội bộ gia đình, bà V đã tiến hành làm sân bê tông, bể nước, công trình vệ sinh... trên phần đất chiều rộng 4,8 m, còn phần 5 m chiều rộng để anh H không làm gì. Nay bà V yêu cầu anh H phải trả lại cho bà V số tiền 500.000 đồng mà bà V đã bỏ ra để được cấp lô đất 306,2 m²; Đền bù các công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất; Tiền trông coi, cải tạo nâng giá trị lô đất; Tiền thuế từ năm 1998 đến 2011 mà bà V đã nộp; Trả lại giá trị 1,5 ha đất nương tại km 44 Đèo Q mà anh H đã bán cho người khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DSST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Điều 467, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 203, khoản 1 Điều 166, 357, 468; khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 23, 52, 53, 54 Luật đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 27 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Tuyên bố: Buộc bà Nguyễn Thị V phải phá bỏ công trình xây dựng trái phép bao gồm: Bờ kè sân, nắp giếng bê tông, sân bê tông, nhà vệ sinh, bể đãi cà phê, bể phụ, trên đất có diện tích 306,2 m² tại tổ dân phố 1, thị trấn A. Tứ cận thửa đất: Phía Đông giáp rãnh nước; Phía tây giáp đường nội thị; Phía nam giáp đất ông Đ; Phía bắc giáp đất bà Vân, để trả lại đất sạch cho anh Nguyễn Văn H, chị Mai Thị L quản lý sử dụng.

2. Buộc bà V phải trả tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho anh H, chị L số tiền 650.000 đồng.

3. Buộc anh H, chị L phải trả cho bà V tiền công cải tạo đất là 60.000.000 đồng.

4. Buộc anh H, chị L phải trả cho bà V số tiền xây tường, lệ phí, thuế sử dụng, tổng số tiền là 27.761.000 đồng. Đối trừ anh H, chị L còn phải trả cho bà V số tiền là 87.111.000 đồng.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H, chị L không trả số tiền trên thì hàng tháng anh H, chị L còn phải trả cho bà V số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/ năm đối với số tiền chưa thi hành.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng; Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.355.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 01705 ngày 04/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Điện Biên, còn phải nộp là 4.155.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm có tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/5/2017 anh Nguyễn Văn H, chị Mai Thị L làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số: 04/2017/DSST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Điện Biên, với lý do:

- Không nhất trí bản án sơ thẩm tuyên buộc anh H, chị L phải đền bù cho bà V số tiền 60.000.000 đồng tiền công cải tạo đất và số tiền xây tường, lệ phí, thuế sử dụng là 27.761.000 đồng.

- Không nhất trí chịu số tiền án phí 4.355.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh H, chị L vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và nội dung yêu cầu kháng cáo của mình.

Ngày 15/5/2017 bà Nguyễn Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Điện Biên, với lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của bà V là không đúng với quy định của pháp luật.
- Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét 1,5 ha đất nương tại km 44 đèo Q là đất của bà V mà vợ chồng anh H, chị L đã đổi cho anh T không hỏi ý kiến bà V, Tòa án không xem xét giải quyết quyền lợi của bà là không khách quan.
- Không nhất trí việc Tòa án xác định số tiền 500.000 đồng bà V đã nộp để lấy được thửa đất 306,2 m² là tiền vay không kỳ hạn và không có lãi là không đúng.
- Không nhất trí việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V phải tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng, cây cối hoa màu trên diện tích đất 306,2 m² mà không có đền bù.
- Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà V mượn đất của anh H, chị L là không đúng, bà V cho rằng bà không mượn đất vì bà đã làm thủ tục và nộp tiền để được cấp 306,2 m² đất và đã sử dụng gần 20 năm nay.

Vì các lý do trên bà V yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- + Công nhận thửa đất 1,5 ha thuộc km 44 đèo Q thuộc quyền sở hữu của bà V.
- + Bác yêu cầu khởi kiện của anh H, chị L về việc đòi thửa đất 306,2m², tuyên trả lại thửa đất 306,2 m² cho bà V.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn S - người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo trả lại đơn phản tố của bị đơn, nhưng trong bản án Tòa án vẫn quyết định giải quyết tất cả nội dung yêu cầu phản tố của bị đơn là không đúng tại điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc không đưa ông Lê Văn Đ vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm số: 04/2017/DSST

ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Điện Biên. Giao hồ sơ vụ án dân sự cho Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Điện Biên, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Điện Biên đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất cho mượn” nhưng bản án không trích dẫn điều luật nào của Bộ luật tố tụng dân sự quy định để áp dụng.

Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung thêm việc áp dụng căn cứ pháp luật: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về xác định tư cách đương sự trong vụ án:

- Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;
- Căn cứ vào nội dung yêu cầu phản tố của bị đơn;
- Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất đang tranh chấp ngày 10/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện A;

- Căn cứ vào đơn yêu cầu ngày 20/5/2017 của ông Lê Văn Đ về việc ông Đ khiếu nại việc khi Tòa án nhân dân huyện A giải quyết vụ án, Tòa án không thông báo cho ông Đ tham gia tố tụng trong vụ án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông. Vì ông cho rằng thửa đất của ông Đ giáp ranh với thửa đất anh H đã được bà V xây tường rào lấn sang phần đất ông Đ là $\frac{1}{2}$ tường rào (0,1m x 32m), do đó ông Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết để bảo vệ quyền lợi cho ông.

- Căn cứ vào nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, kháng cáo không nhất trí bồi thường đối với phần tường xây của bà V xây lấn sang đất ông Đ mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc anh H, chị L phải bồi thường cho bà V.

Từ các căn cứ trên, xét thấy phần tường xây của bà V có xây lấn sang phần đất của ông Đ và phần đất công, nên việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền

lợi của ông Đ và quyền, lợi ích công cộng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho những người này khi giải quyết vụ án Tòa án cần phải đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự theo quy định tại khoản 4 điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vi phạm này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[1.4] Xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình Tòa án huyện A, tỉnh Điện Biên giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh H, chị L chỉ khởi kiện yêu cầu bà V phải trả lại quyền sử dụng đất diện tích 306.2m² theo tờ khai sử dụng đất số N- 18 (đứng tên: Nguyễn Văn H), ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

- Phía bị đơn bà Nguyễn Thị V có các đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nộp cho Tòa án gồm:

- + Đơn phản tố ngày 20/11/2016;
- + Đơn thay thế toàn bộ nội dung yêu cầu phản tố ngày 01/12/2016 (bút lục 165);
- + Thông báo trả lại đơn phản tố ngày 23/12/2017;
- + Đơn yêu cầu phản tố ngày 08/01/2017 (bút lục 192);
- + Đơn yêu cầu ngày 12/01/2017;
- + Giấy xác nhận đơn phản tố ngày 10/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện A (bút lục 195).

Qua các thủ tục phản tố trên của bị đơn, Tòa án nhân dân huyện A đã ra Thông báo trả lại đơn phản tố ngày 10/01/2017 (bút lục 196). Thông báo này có nội dung như sau:

Sau khi xem xét đơn yêu cầu phản tố của bà V, về việc bà V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A giải quyết buộc anh H, chị L phải trả cho bà V các khoản như sau:

- Giá trị số tiền bà V bỏ ra để được cấp diện tích đất 306,2m² bằng giá trị tại thời điểm hiện tại.
- Đền bù các công trình mà bà V đã xây dựng: Tường rào; Bể đãi cà phê; giếng nước; Đổ đất san lấp mặt bằng; Sân bê tông; Nhà vệ sinh; Cây cối hoa màu.
- Tiền trông coi, cải tạo, nâng cao giá trị đất.
- Tiền thuế bà V đã nộp từ 1998 đến 2011.

- Trả lại giá trị 1,5 ha đất nương tại km 44 đèo Q mà anh H đã bán không hỏi ý kiến của bà V.

Tòa án nhân dân huyện A cho rằng đơn yêu cầu phản tố ngày 10/01/2017 nêu trên, Tòa án đã tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/11/2016 và mở lại vào ngày 02/12/2016. Như vậy bà V nộp đơn yêu cầu phản tố sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, nên đơn yêu cầu phản tố của bà V thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện phản tố. Do đó Tòa án nhân dân huyện A đã trả lại đơn yêu cầu phản tố của bà V.

Qua xem xét các đơn yêu cầu phản tố của bà V nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy nội dung yêu cầu phản tố của bà V có yêu cầu Tòa án xem xét giá trị các tài sản trên đất và quyền sử dụng đất để yêu cầu Tòa án buộc anh H, chị L phải bồi thường cho bà Vân.

Do vậy, trong trường hợp này Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại khoản 1 điều 17 của Nghị quyết số 01/2012/HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tại khoản 1 quy định: “Đối với tranh chấp về đòi tài sản cho mượn, cho ở nhờ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch. Trường hợp ngoài tranh chấp về đòi tài sản cho mượn, cho ở nhờ, đương sự còn có tranh chấp về bồi thường thiệt hại và yêu cầu Tòa án giải quyết, thì đương sự phải chịu án phí không có giá ngạch đối với tranh chấp về đòi tài sản cho mượn, cho ở nhờ và án phí có giá ngạch đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Từ các quy định trên xét thấy yêu cầu phản tố của bà V thuộc trường hợp có yêu cầu Tòa án xác định giá trị tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất để yêu cầu Tòa án buộc anh H, chị L phải bồi thường.

Như vậy, nếu Tòa án thụ lý giải quyết phần yêu cầu phản tố của bị đơn thì Tòa án phải thông báo cho người có yêu cầu phản tố phải làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (quy định Thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập).

Trong vụ án này Tòa án nhân dân huyện A đã thông báo trả lại đơn phản tố cho bà V vào ngày 10/01/2017 về các nội dung yêu cầu Tòa án xác định giá trị phần tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất để yêu cầu bên nguyên đơn phải bồi thường. Tòa án không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng trong bản án của Tòa án nhân dân huyện A lại quyết định giải quyết các phần yêu cầu phản tố của bị đơn là trái với Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về việc (Thụ lý vụ

án) và Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về (Thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập).

Từ nhận xét trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết xét xử vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác định đưa ông Lê Văn Đ và Ủy ban nhân dân thị trấn A, vào tham gia tố tụng trong vụ án và việc Tòa án nhân dân huyện A, đã trả lại đơn phản tố của bị đơn nhưng trong bản án của Tòa án huyện A, vẫn quyết định giải quyết các yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Vi phạm này Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được.

Đồng thời, xét thấy đơn nội dung yêu cầu phản tố của bị đơn có mối liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bà V cho rằng có sự chuyển đổi diện tích 1,5 ha đất nương tại khu vực km 44 đèo Q của bà V để bà V đứng tên anh H lấy tiêu chuẩn của anh H được cấp lô đất đang tranh chấp diện tích đất 306,2 m² theo tờ khai N-18 (Người đứng tên sử dụng đất: Nguyễn Văn H). Nhưng yêu cầu phản tố này của bà V chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để xem xét. Như vậy, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xem xét việc thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn được coi là cần thiết mới có căn cứ giải quyết vụ án được toàn diện, triệt để.

Từ những vi phạm về trình tự, thủ tục tố tụng dân sự nêu trên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, giao lại hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Do tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trình tự thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết về phần nội dung của vụ án.

[3] Về chi phí tố tụng: Ở cấp sơ thẩm, anh H, chị L có nộp 1.300.000 đồng tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/11/2016, số tiền này sẽ được giải quyết lại sau khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Ở cấp sơ thẩm, anh H, chị L đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền này sẽ được giải quyết khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

- Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho anh Nguyễn Văn H (Theo biên lai số AB/2010/01737 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Điện Biên).

Trả lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị V (Theo biên lai số AB/2010/01738 ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Điện Biên).

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015.

1. Tuyên xử: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Điện Biên xử vụ án tranh chấp đòi quyền sử dụng đất cho mượn giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, chị Mai Thị L bị đơn bà Nguyễn Thị V; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Điện Biên để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng:

Ở cấp sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H, chị Mai Thị L có nộp số tiền 1.300.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/11/2016, số tiền này sẽ được giải quyết sau khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

[4] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Ở cấp sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H, chị Mai Thị L đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Số tiền này sẽ được giải quyết khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

- Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho anh Nguyễn Văn H (Theo biên lai số AB/2010/01737 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Điện Biên).

Trả lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị V (Theo biên lai số AB/2010/01738 ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Điện Biên).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2017).

Nơi nhận:

- TAND huyện A;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cà Văn Pâng